

3657

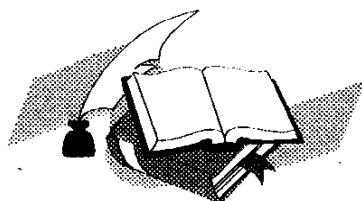
2000

BAN VẬT GIÁ CHÍNH PHỦ

VIỆN NCKH THỊ TRƯỜNG VÀ GIÁ CẢ

ĐỀ TÀI CẤP CƠ SỞ:

**NHỮNG GIẢI PHÁP GIÁ CẢ ĐỂ "KÍCH CẦU"
PHÁT HUY NỘI LỰC NHẪM THỨC ĐẨY KINH TẾ TĂNG TRƯỞNG
BỀN VỮNG.**



20

Chủ nhiệm đề tài: TS. Kinh tế Nguyễn Tiến Thoả
Viện trưởng Viện NCKH Thị trường - Giá cả

Hà nội, tháng 10 năm 1999

3657 .
14/8/2000

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
GIỚI THIỆU	2
Phân I: Kịch cấu, một số đặc điểm quan trọng	4
Phân II: Một số kinh nghiệm của Trung Quốc	7
Phân III: Khái quát tình hình kinh tế, sản xuất kinh doanh trong thời gian gần đây ở nước ta, những vướng mắc cần tháo gỡ	11
I. Tình hình sản xuất kinh doanh trong thời gian gần đây ở nước ta	11
II. Nguyên nhân	17
Phân IV: Giải pháp giá cả để kích cầu phát huy nội lực nhằm thúc đẩy kinh tế tăng trưởng bền vững	36
I. Một số quan điểm chung	37
II. Các giải pháp giá cả cụ thể	39
TÀI LIỆU THAM KHẢO	49
PHỤ LỤC	50
DANH SÁCH những người tham gia nghiên cứu chủ yếu	56

GIỚI THIỆU

Trong những năm gần đây, nền kinh tế Việt nam đã đạt được những thành tựu đáng chú ý, tốc độ tăng trưởng GDP ở mức khá cao, 9,54% năm 1995, 9,34% năm 1996 và 8,15% năm 1997; lạm phát luôn duy trì được ở mức thấp một chữ số, có năm chỉ ở mức 3,6%/năm như năm 1997; ngoại thương và quá trình hội nhập kinh tế thế giới và khu vực cũng đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ. Tuy nhiên từ năm 1998 đến nay sự tiến bộ của nền kinh tế đã đang chậm lại. Tốc độ tăng trưởng GDP năm 1998 chỉ đạt 5,8% và đặc biệt trong 6 tháng đầu năm nay chỉ đạt 4,3%; xuất khẩu giảm sút; lượng hàng tồn kho, ứ đọng không bán được của nhiều doanh nghiệp tăng cao, nhiều doanh nghiệp phải giảm nhịp độ sản xuất thậm chí có ngành phải tạm cho công nhân nghỉ việc như ngành than chẳng hạn. Thị trường, sức mua được đánh giá là đang bị thu hẹp và giảm sút nghiêm trọng và là một trong những nguyên nhân chính làm giảm nhịp độ tăng trưởng.

Trước tình hình này, nhiều giải pháp kinh tế đang được đề xuất một cách chính thức và không chính thức, cả ở cấp nghiên cứu lý luận cho đến cấp trực tiếp hoạch định chính sách và điều hành thực tiễn. Một trong số các giải pháp đó và cũng là giải pháp đã được Chính phủ thông qua là giải pháp kích cầu. Trên cơ sở này các cấp các ngành đang phải đề ra các giải pháp kích cầu cụ thể cho ngành quản lý của mình. Đề ra những giải pháp giá cả để "kích cầu" phát huy nội lực nhằm thúc đẩy kinh tế tăng trưởng bền vững là một trong những nhiệm vụ cụ thể của ngành giá trong việc thực hiện cụ thể chỉ đạo của chính phủ.

Đề tài nghiên cứu khoa học "những giải pháp giá cả để "kích cầu" phát huy nội lực nhằm thúc đẩy kinh tế tăng trưởng bền vững" được xúc tiến trong bối cảnh này. Đề tài được nghiên cứu nhằm ba mục đích sau đây.

1. Vạch ra bản chất kinh tế, vai trò và đặc biệt là đặc điểm của giải pháp kích cầu. Đây là mục đích nghiên cứu về mặt lý thuyết, không phải là

mục đích chính của đề tài. Nghiên cứu lý thuyết này nhằm tạo ra cơ sở khoa học để có thể phân tích, đánh giá giải pháp kích cầu ở nước ta trong thời điểm hiện nay.

2. Tìm hiểu kinh nghiệm trong việc sử dụng giải pháp kích cầu ở các nền kinh tế có điều kiện, hoàn cảnh tương tự như ở nước ta để có thể có thêm cơ sở cho việc đề ra các giải pháp giá cả để kích cầu ở nước ta. Tuy nhiên trong điều kiện kinh phí và thời gian có hạn, đề tài chỉ tập trung nghiên cứu kinh nghiệm của Trung quốc mà thôi.
3. Tìm hiểu và vạch rõ nguyên nhân kinh tế sâu sa của tình hình trì trệ trong nền kinh tế nước ta hiện nay. Đây là mục đích và cũng là cơ sở rất quan trọng của nghiên cứu vì sẽ giúp tạo ra được tính đúng đắn, chính xác, khả thi và phù hợp với thực tiễn của các giải pháp giá cả để kích cầu nhằm tạo ra tăng trưởng kinh tế bền vững cho đất nước.
4. Đề ra các giải pháp giá cả cụ thể và cơ sở đề xuất cho các giải pháp giá cả cũng như các giải pháp kinh tế nói chung khác để kích cầu nhằm tạo ra tăng trưởng kinh tế bền vững. Đây là mục đích chính của đề tài.

Bám sát các mục tiêu của nghiên cứu, đề tài tài được cấu trúc bởi 4 phần như sau:

- Phần 1: Kích cầu, những đặc điểm quan trọng.
- Phần 2: Một số kinh nghiệm của Trung quốc về sử dụng giải pháp kích cầu.
- Phần 3: Nền kinh tế Việt nam hiện nay, những nguyên nhân kinh tế sâu sa của trì trệ kinh tế hiện nay.

- **Phần 4:** Các giải pháp giá cả để kích cầu, thúc đẩy kinh tế tăng trưởng bền vững. Phần này được dựa chủ yếu và rất chặt chẽ vào nghiên cứu ở các phần trước. Các giải pháp và kiến nghị đề xuất ở phần này **chỉ là các giải pháp về giá cả**, các giải pháp kinh tế khác chỉ được đề cập đến một khi chúng có liên quan đến giá cả. Phạm vi này được đặt ra xuất phát từ mục đích và yêu cầu của đề tài, đó là các giải pháp về giá cả chứ không phải là tất cả các giải pháp kinh tế.

Phương pháp nghiên cứu của đề tài là sử dụng phép phân tích dựa trên lý thuyết cơ bản. Các chỉ số thống kê và các biến số kinh tế vĩ mô chuẩn mực được tính toán và sử dụng trong phân tích đánh giá thực trạng nền kinh tế cũng như trong việc đề xuất các giải pháp. Các lý thuyết về hiệu quả kinh tế và tự do hóa nền kinh tế cũng được vận dụng cho việc đề xuất các kiến nghị.

PHẦN I

"KÍCH CẦU", MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM QUAN TRỌNG

"Kích cầu" là giải pháp kinh tế vĩ mô nhằm làm tăng mức tổng cầu của toàn bộ nền kinh tế. Các công cụ (biện pháp) kích cầu là nhằm làm tăng mức của các bộ phận cấu thành của tổng cầu. Các giải pháp chủ yếu thường được sử dụng là hạ lãi suất, tăng chi tiêu của Chính phủ, tăng tỷ giá hối đoái nội tệ/ngoại tệ (đối với nền kinh tế mà Chính phủ/Ngân hàng Trung ương quy định mức tỷ giá hối đoái) và tăng phát hành tiền.

Mục tiêu kinh tế của giải pháp kích cầu chủ yếu là tăng trưởng sản xuất, kinh doanh, giảm tỷ lệ thất nghiệp. Kích cầu có một số đặc điểm quan trọng cần lưu ý là :

(1) Kích cầu thường được sử dụng trong một nền kinh tế đã tương đối **phát triển**, sản xuất kinh doanh vốn đã có chất lượng cao, trong đó các nguồn lực của đất nước **vốn đã được khai thác có kết quả và hiệu quả** ở một mức độ tương đối nào đó. Nay vì một lý do nào đó, thường là do các cú sốc từ bên ngoài (chẳng hạn giá vật tư nhập khẩu bị tăng lên, khủng hoảng kinh tế thế giới hoặc của các nước trong khu vực có liên quan v.v...), gây ra tình trạng trì trệ, giảm sút của sản xuất kinh doanh trong nước, giảm sút tăng trưởng, thất nghiệp tăng cao v.v... Để phục hồi nền kinh tế trở lại (thời kỳ vốn có chất lượng (hiệu quả), tăng trưởng cao trước đó), giải pháp kích cầu thường được các Chính phủ của các nền kinh tế tương đối phát triển này xem xét, cân nhắc sử dụng.

(2) Kích cầu chỉ có tác dụng trong một thời gian ngắn và cái giá mà nền kinh tế phải trả là đẩy giá cả (lạm phát) lên cao. **Nếu không có các giải pháp nào khác được áp dụng đồng bộ** thì, một nền kinh tế, một nền sản xuất kinh doanh có chất lượng (hiệu quả) như thế nào trước khi kích cầu được sử dụng thì sau kích cầu, chất lượng (hiệu quả) của nền kinh tế, sản xuất kinh doanh của đất nước đó chỉ sẽ ở mức ban đầu mà thôi. Nói cách khác kích cầu có thể làm tăng quy mô (khối lượng) sản xuất kinh doanh trong một thời kỳ ngắn, mà không có tác dụng nâng cao chất lượng (hiệu quả) của nền kinh tế và của sản xuất, kinh doanh. "Kết quả" mà nền kinh tế đó gặt hái được sau khi hết tác dụng của kích cầu là lạm phát cao.

(3) Trong một nền kinh tế thị trường, tự do cạnh tranh, khi mức giá cả không bị định đoạt bởi Nhà nước, mà bởi quan hệ cung cầu, thì giá cả không phải là một công cụ kinh tế (vĩ mô) để điều chỉnh mức tổng cầu. Việc hạ giá bán một mặt hàng cụ thể nào đó do nhà sản xuất thực hiện, kể cả khi có thể được thực hiện bởi Nhà nước do sử dụng các chính sách kinh tế nào đó, thì đó chỉ là sự kích thích tiêu dùng mặt hàng cụ thể đó, cơ cấu lại tiêu dùng mà thôi, nên không làm tăng mức tổng cầu lên được, trừ khi sự cơ cấu lại tiêu dùng này dẫn tới sự gia tăng của các bộ phận cấu thành tổng cầu. Chẳng hạn

sự giảm giá của các sản phẩm dùng cho đầu tư (máy móc, thiết bị, nhà xưởng...) có thể làm tăng nhu cầu đầu tư (một bộ phận của tổng cầu).

Đối chiếu các đặc điểm trên với thực tiễn nền kinh tế nước ta hiện nay, cho thấy một số điểm cần được xem xét :

- Nếu nền kinh tế nước ta chưa từng thật sự có chất lượng (hiệu quả) cao; nội lực còn bị lãng phí lớn; trên tổng thể, năng suất còn ở mức thấp và tăng chậm, thậm chí có thể giảm thì kích cầu nên được xem xét thận trọng và nên được tiến hành song song với các giải pháp kinh tế hướng vào việc nâng cao chất lượng (hiệu quả) của nền kinh tế.

- Nếu sự trì trệ trong sản xuất kinh, sự ứ đọng hàng hoá khó tiêu thụ chỉ diễn ra ở một bộ phận của nền kinh tế và nếu chủ yếu là do nguyên nhân chủ quan, do sự yếu kém của hoạt động sản xuất kinh doanh, sự kém hiệu quả và chưa “già dặn” trong điều hành vĩ mô gây ra thì kích cầu sẽ không có tác dụng trong việc khắc phục những yếu kém này.

- Nếu sự trì trệ của nền kinh tế nước ta là xuất phát từ những nguyên nhân sâu xa, bản chất của sự yếu kém trong sản xuất kinh doanh và quản lý cả ở cấp vi mô và vĩ mô, thì sử dụng giải pháp kích cầu ở nước ta hiện nay, chỉ có thể làm thuyên giảm triệu chứng trì trệ trong sản xuất kinh doanh, giải toả hàng hoá ứ đọng trong một thời gian ngắn, trong khi những nguyên nhân vẫn được duy trì nguyên trạng. Nếu nguyên nhân sâu xa, bản chất, tiềm tàng của con bệnh, không nhanh chóng trừ bỏ, thì nền kinh tế khó có thể đương đầu được với khả năng cạnh tranh rất cao (giá rẻ, chất lượng sản phẩm cao) của hàng hoá từ bên ngoài trong vòng hai ba năm tới khi chúng ta bắt đầu thật sự vào tiến trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

PHẦN II

MỘT SỐ KINH NGHIỆM CỦA TRUNG QUỐC.

Sau một thời kỳ tăng trưởng kinh tế đạt ở mức cao (12,6% vào 1994) các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã sớm nhận thức rằng, sự tăng trưởng cao của nền kinh tế đó là **không bền vững** và không thể duy trì tồn tại dài hạn được, bởi vì mặc dù có quy mô lớn (sản xuất nhiều) nhưng chất lượng của nền kinh tế mà đáng chú ý là khu vực kinh tế Nhà nước ở mức thấp, không thể là nền tảng tốt cho tăng trưởng cao về lâu dài. Vì vậy từ 1995, Trung Quốc đã tiến hành một loạt các giải pháp vĩ mô nhằm tăng áp lực nâng cao chất lượng (hiệu quả) của nền kinh tế, các biện pháp này tựu trung lại là nhằm thắt chặt nhu cầu, gây sức ép buộc các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp Nhà nước, phải nâng cao chất lượng hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Các chính sách trên bước đầu đã đem lại những kết quả cơ bản : Tăng trưởng GDP đạt mức 9,5%, lạm phát duy trì ở mức thấp 1,8%/năm. Kinh tế quốc doanh có sự tiến bộ rõ rệt, doanh thu hàng năm tăng với tốc độ 14,3%, lợi nhuận tăng 10,1% và đặc biệt giá trị sáng tạo mới tăng 19,2%. Tuy nhiên các chính sách trên đã để lại cho nền kinh tế Trung Quốc một số khó khăn, và những khó khăn đó đang xuất hiện rất trầm trọng trong năm 1999, tạo ra nguy cơ phá huỷ những thành tựu trước đó đã đạt được. Tình hình hiện tại của nền kinh tế Trung Quốc là tiêu dùng và xuất khẩu giảm, hàng hoá tồn đọng nhiều, các doanh nghiệp quốc doanh nhìn chung hoạt động dưới công suất và thua lỗ. Sức mua trong nước giảm mạnh, tính đến hết tháng 7/1999 giá hàng tiêu dùng của Trung Quốc tiếp tục giảm sang tháng thứ 16; nếu tính 6 tháng đầu năm nay thì giá bán lẻ giảm 3,2%. Mức tăng trưởng kinh tế đang chậm lại, nhập khẩu tăng 16,6% trong khi đó xuất khẩu giảm 4,6%. Đầu tư nước ngoài cũng rất ảm đạm, so 4 tháng đầu 1998 đầu tư nước ngoài giảm 12,6%... Tình hình trên đã buộc Trung Quốc phải đưa ra các giải pháp kích cầu làm đà để bảo đảm tăng GDP 8% như mục tiêu đề ra trong năm nay.

Theo phó Thủ tướng Trung Quốc Wu Bangguo, Trung Quốc dùng biện pháp tăng đầu tư vào cơ sở hạ tầng để kích cầu nội địa. Thứ trưởng Bộ Tài chính Trung Quốc Lou Jiwei đã đề ra các chính sách kích cầu cụ thể gồm có 7 nhóm chính sách sau đây :

1. Tăng phát hành công trái và tăng đầu tư vào cơ sở hạ tầng, bao gồm cả việc khôi phục hệ thống đê điều đã bị hư hại;
2. Rút thêm vốn vào các Ngân hàng thương mại và tăng cường công tác quản lý của các ngân hàng này;
3. Xem xét lại hệ thống hoàn trả lại thuế, bao gồm cả việc tăng tỷ lệ hoàn trả lại thuế (giảm thuế) cho sản phẩm xuất khẩu cũng như đơn giản hoá và tăng nhanh quá trình xử lý thủ tục hành chính;
4. Tăng nhập khẩu đối với một số thiết bị để tăng thu hút đầu tư nước ngoài và chuyển giao công nghệ bằng cách miễn thuế VAT đối với các thiết bị nhập khẩu này;
5. Tiếp tục các chương trình cải cách hệ thống thuế và lệ phí nhằm làm giảm gánh nặng về xã hội đang đè nặng lên các doanh nghiệp;
6. Tăng cường vững chắc các chương trình giảm thất nghiệp và tăng an toàn xã hội;
7. Hỗ trợ thêm nữa chương trình cải cách nhà ở, bao gồm cả việc huỷ bỏ những hạn chế về vay của các cá nhân để mua nhà.

Tuy vậy cả 2 phó thủ tướng và thứ trưởng bộ Tài chính đều nhấn mạnh rằng các chính sách kích cầu này chỉ là “biện pháp để đối phó lại những ảnh hưởng tiêu cực lên nền kinh tế TQ đến từ cuộc khủng hoảng khu vực” (lời phó thủ tướng) và là phản ứng của TQ trước ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng châu Á “đang tràn ngập các vùng trung tâm của đất nước và đang làm suy yếu tiêu dùng trong nước” (lời thứ trưởng bộ Tài chính). Các nhà lãnh đạo TQ cũng bho biết rằng những chính sách kích cầu này không phải là chính sách dài hạn.

Thực tế cho đến tháng 7 vừa qua, chính sách kích cầu đã được triển khai cụ thể bằng các giải pháp cụ thể sau đây (theo tư liệu chúng tôi có được đến nay):

- Cắt giảm lãi suất ngân hàng và có kế hoạch đánh thuế vào lãi suất gửi tiết kiệm ở Ngân hàng.

Trong thời gian từ tháng 5/1996 đến tháng 6/1999 Trung Quốc đã cắt giảm lãi suất 7 lần từ 9,18%/năm xuống còn 2,25%/năm (ngày 9/6/1999). Trung Quốc dự kiến đánh thuế vào tiền gửi tiết kiệm ở Ngân hàng. Theo số liệu khảo sát thì Trung Quốc là một trong những nước có tiền tiết kiệm trong dân chúng lớn nhất thế giới với bình quân hiện nay là 42% thu nhập/hộ. Theo số liệu của Ngân hàng thế giới, thì 75% tài sản chính của các gia đình Trung Quốc hiện nay gửi vào các Ngân hàng. Trung Quốc thi hành việc đánh thuế nhằm thực hiện lời kêu gọi của Bộ Tài chính: “Tiền tiết kiệm ít, chi tiêu nhiều” để kích cầu trong nước. Từ cuối tháng 5/1999, Trung tâm nghiên cứu phát triển của Quốc vụ viện Trung Quốc đã chủ trương khuyến khích hiệu triệu tầng lớp giàu có trong xã hội có nhiều tiền gửi ở Ngân hàng hãy rút tiền chi tiêu nhiều hơn cho nhu cầu tiêu dùng. Loại thuế mới này cùng thuế thu nhập chuẩn bị tăng là nhằm vào những người tích tiền để mua sắm những của cải đắt tiền không kích thích kinh tế phát triển hoặc đầu tư vào bất động sản khiến đồng tiền không quay vòng được. Tuy nhiên việc đánh thuế lãi suất tiền gửi tiết kiệm sẽ gặp nhiều khó khăn vì Trung Quốc vẫn chưa hoàn thiện cuộc cải cách buộc người mở tài khoản phải đứng đứng tên của mình.

- Phát hành 341,5 tỷ Nhân dân tệ công trái để cấp vốn cho các cơ sở hạ tầng, đầu tư thêm cho nông nghiệp và cân đối ngân sách. Khuyến khích việc đầu tư chứng khoán bằng cách cắt giảm thuế giao dịch đối với chứng khoán loại B làm cho giá tại các thị trường chứng khoán ở Thượng Hải và Thiên Tân đều tăng gấp đôi. Trào lưu đầu tư chứng khoán ở Trung Quốc